TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 11/5/2022
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm và ông Vũ Thái Thịnh

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/4/2010. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 02/2022 anh Lương Văn C. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Đ.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Văn C. trình bày: Sau khi kết hôn anh chị sống sinh sống và làm việc tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015 thì vợ chồng cùng đi xuống Hà Nội làm ăn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, từ khi đi Hà Nội làm ăn do vợ chồng đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, không thường xuyên gặp nhau nên tình cảm dần phai nhạt, bất đồng quan điểm về tình cảm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chị Đ. chỉ về nhà ngoại không về nhà nội, không quan tâm tới con cái, hiện chị Đ. ở đâu, làm gì anh không biết. Do vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Gia B, sinh ngày 16/9/2011. Cháu đang ở với bà nội tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quan điểm của anh C. khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu B.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên, cháu Lương Gia B. trình bầy: Cháu là con của bố Lương Văn C. và mẹ Ngô Thị Đ. và cháu đang học lớp 5 trường tiểu học xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Ngô Thị Đ. có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ngô Thị Đ. và anh Lương Văn C. kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ sau khi đi Hà Nội làm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng ở xa nhau nên tình cảm dần rạn nứt. Hiện tại chị Đ. không có mặt ở địa phương, khi đi không báo chính quyền nên không xác định được địa chỉ.

Bị đơn chị Ngô Thị Đ. hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được chị Đ. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị Đ. đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho anh Lương Văn C. được ly hôn với chị Ngô Thị Đ.; về con chung: giao cháu Lương Gia B, sinh ngày 16/9/2011 cho anh Lương Văn C. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện anh Lương Văn C. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Đ, giao nuôi con chung khi ly hôn và không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn chị Ngô Thị Đ. có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện chị Đ. đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Đ. nhưng chị Đ. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Văn C. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Ngô Thị Đ. vắng mặt không có ý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/4/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng ở xa nhau, mỗi người một nơi, không thường xuyên gặp nhau nên tình cảm dần phai nhạt, bất đồng quan điểm về tình cảm. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, hiện tại chị Đ. không có mặt ở địa phương. Tháng 02/2022 anh C. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho anh Lương Văn C. được ly hôn với chị Ngô Thị Đ.

- Về con chung:

Anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. có 01 con chung là Lương Gia B, sinh ngày 16/9/2011, cháu hiện đang ở với anh Lương Văn C. Quá trình giải quyết anh C. có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con chung, cháu B. có quan điểm được ở với bố.

Xét thấy, cháu Lương Gia B. là con chung của anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, chị Ngô Thị Đ. hiện không có mặt ở địa phương, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu B. sống cùng với anh C. và bà nội, chị Đ. không về thăm hỏi, chăm sóc cháu. Quá trình giải quyết cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Lương Văn C. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của cháu B, cần giao cháu Lương Gia B, sinh ngày 16/9/2011 cho anh Lương Văn C. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Ngô Thị Đ. không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh C. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Lương Văn C. và chị Ngô Thị Đ. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Lương Văn C. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương Văn C. được ly hôn với chị Ngô Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Gia B, sinh ngày 16/9/2011 cho anh Lương Văn C. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Ngô Thị Đ. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lương Văn C. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001944 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Lương Văn C. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã H.;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến